TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY ĐỨC
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 55/2017/HSST
Ngày 29 tháng 11 năm 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Thọ.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Đức Hỷ;
2. Ông Đoàn Lê Anh.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đặng Văn Ngư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Chung – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở TAND huyện Tuy Đức, tỉnh Đăk Nông tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 52/2017/HSST ngày 14/11/2017 đối với các bị cáo:

1. Giàng A Q; sinh năm: 1983; Tại: Lào Cai; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở trước khi phạm tội: Bản N, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông; Trình độ văn hóa: Không biết chữ; Nghề nghiệp: Làm nông; Dân tộc: Mông; Con ông Lù A G (đã chết) (bố dượng Lù A C, sinh năm 1948) và bà Giàng Thị G (SN 1957); Bị cáo có vợ là Giàng Thị C, sinh năm 1982 và 04 con, con lớn nhất sinh năm 1998, con nhỏ nhất sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 24/01/2017 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Tuy Đức – Có mặt tại phiên tòa.

2. Giàng Thị C; sinh năm: 1982; tại: Điện Biên; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở trước khi phạm tội: Bản N, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông; Trình độ văn hóa: Không biết chữ; Nghề nghiệp: Làm nông; Dân tộc: Mông; Con ông Giàng Súa S (SN 1961) và bà Thào Thị S (SN 1962); Bị cáo có chồng là Giàng A Q, sinh năm 1983 và 04 con, con lớn nhất sinh năm 1998, con nhỏ nhất sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 24/01/2017 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Tuy Đức – Có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho các bị cáo: Ông Y'L – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đăk Nông. Có mặt tại phiên tòa.

Người phiên dịch cho các bị cáo: Ông Và Bá S, sinh năm: 1970; Địa chỉ: Bon B, xã Q, huyện T, tỉnh Đăk Nông. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Giàng A Q và Giàng Thị C là hai vợ chồng, do cuộc sống khó khăn nên cùng bàn bạc thống nhất với nhau mua ma túy về bán cho các con nghiện kiếm lời, lấy tiền phục vụ sinh hoạt hàng ngày trong gia đình.

Vào sáng ngày 18/01/2017 Giàng A Q đi làm không có nhà, thì có một người đàn ông (chưa xác định nhân thân lai lịch) đến gặp Giàng Thị C để bán 01 cục ma túy với giá 2.000.000 đồng, do đã có bàn bạc trước với Giàng A Q nên Giàng Thị C đồng ý mua, sau đó C dùng dao lam cắt, chia ra từng phần nhỏ rồi lấy túi nilon bọc thành từng gói nhỏ để bán cho những con nghiện. Đến 11giờ cùng ngày Lê Xuân T sinh năm 1993 trú tại bon P, xã Đ, huyên T, tỉnh Đăk Nông đi đến nhà Q và C để hỏi mua ma túy về sử dụng. Khi đến nhà Q thì T gặp C và hỏi "có hàng không, bán cho 100.000 đồng". Hiểu ý của T là muốn mua ma túy, C lấy tiền và đi vào buồng để lấy 01 gói ma túy mang ra ngoài bán cho T, T mua ma túy sau đó mang ma túy ra vườn điều gần đó sử dụng. Đến 13 giờ cùng ngày T quay lại nhà Q gặp C và hỏi "có hàng không, bán cho 500.000 đồng", C đi vào buồng lấy ma túy ra bán cho T, khi bán ma túy cho T thì Q đi làm về cũng đang ở trong nhà và được C cho biết việc mua ma túy của một người đàn ông và bán ma túy cho T lần thứ hai. Khi C mang ma túy giao cho T và nhận tiền thì bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy Đức phát hiện bắt quả tang cùng tang vật.

Tang vật thu giữ niêm phong gồm: 01 gói nylon màu trắng bên trong chứa chất bột màu trắng T vứt dưới chân; thu giữ 500.000 đồng và 09 gói nylon màu trắng bên trong chứa chất bột màu trắng trên người C nghi là Hêrôin. Khám xét tại nơi ở C tự nguyện giao nộp 28 gói nylon màu trắng và 02 gói nylon màu hồng bên trong chứa chất bột màu trắng nghi là Hêrôin được đựng trong chiếc lọ bằng nhựa hình trụ tròn có kích thước (5 x2 cm) .

Tại Bản kết luận giám định số 05/PC54 ngày 23/01/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Nông đã kết luận: mẫu vật gửi giám định thu giữ khi C bán cho Lê Xuân T là chất ma túy, là Hêrôin trọng lượng 0,3472 gam (hoàn lại sau giám định là 0,1798 gam); Mẫu vật gửi giám định thu giữ trên người Giàng Thị C là chất ma túy, là Hêrôin trọng lượng là 0,2604 gam (hoàn lại sau giám định là 0,1265 gam); Mẫu vật gửi giám định do Giàng Thị C giao nộp là chất ma túy, là Hêrôin trọng lượng mẫu vật là 2,6075 gam; (hoàn lại sau giám định là 1,529 gam).

Tại cáo trạng số: 50/CTr - VKS ngày 14/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức truy tố các bị cáo Giàng A Q và Giàng Thị C về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm b khoản 2 Điều 194 - Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà các bị cáo Giàng A Q và Giàng Thị C đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát huyện Tuy Đức đã truy tố.

Tại phiên toà vị đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Hành vi mua bán trái phép 3,215 gam chất ma túy là Hêrôin (có sự bàn bạc,

thỏa thuận từ trước) để bán lại cho Lê Xuân T 02 lần để kiếm lời của các bị cáo là vi phạm pháp luật, đủ yếu tố cấu thành tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 - Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà vị đại diện Viện kiểm sát sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 – BLHS. Xử phạt các bị cáo Giàng Thị C và Giàng A Q mỗi bị cáo từ 07 (bảy) năm đến 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, trừ đi thời gian các bị cáo đã bị tạm giam.

- Các biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 41 – BLHS. Điểm a khoản 2 Điều 76 – BLTTHS. Tịch thu, tiêu hủy 1,8353 gam ma túy (hoàn lại sau khi giám định); Tịch thu, sung công quỹ Nhà nước số tiền 500.000 đồng; Truy thu số tiền 100.000 đồng thu lợi bất chính do Giàng Thị C bán Hêrôin mà có.

* Phần tranh luận trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho các bị cáo Giàng A Q và Giàng Thị C không đồng ý bản cáo trạng truy tố bị cáo Giàng A Q theo điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với hai bị cáo, trợ giúp viên pháp lý cho rằng:

- Bản thân bị cáo Giàng A Q không trực tiếp mua ma túy, không tham gia bán ma túy cho đối tượng T lần thứ nhất, chỉ lần bán ma túy cho T lần thứ hai Q mới được C cho biết; việc Q và C bàn bạc với nhau về việc mua ma túy để bán lại kiếm lời là không đủ cơ sở để khẳng định các bị cáo cùng chung mục đích mua bán trái phép chất ma túy, vì vậy hành vi của bị cáo Giàng A Q chỉ phạm vào khoản 1 Điều 194 của Bộ luật hình sự;

- Các bị cáo còn một số tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 46 của Bộ luật hình sự mà vị đại diện Viện kiểm sát chưa đề nghị, cụ thể:

+ Các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; các bị cáo lần đầu mua ma túy về bán nên hậu quả của hành vi đã được ngăn chặn kịp thời; thời điểm bị bắt đã tự nguyện giao nộp số ma túy chưa bán; quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo đã ăn năn hối cải; bản thân các bị cáo là người dân tộc thiểu số, không biết chữ nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế; các bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, các con còn nhỏ. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm g, h, o, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

- Từ những phân tích và lập luận như trên, trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho các bị cáo đề nghị HĐXX:

+ Đối với bị cáo Giàng A Q: Áp dung khoản 1 Điều 194; điểm g, h, o, p khoản 1 khoản 2 Điều 46; Điều 47 của Bộ luật hình sự.

+ Đối với bị cáo Giàng Thị C: Áp dung điểm b khoản 2 Điều 194; điểm g, h, o, p khoản 1 khoản 2 Điều 46; Điều 47 của Bộ luật hình sự.

Đề nghị HĐXX xử phạt các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đề nghị.

* Các bị cáo đồng ý với lời bào chữa của trợ giúp viên pháp lý và không bổ sung thêm gì.

* Vị đại diện Viện kiểm sát đối đáp, tranh luận với trợ giúp viên pháp lý:

Không đồng ý với đề nghị của trợ giúp viên pháp lý vì những lý do sau:

- Trước khi mua ma túy về bán các bị cáo đã có sự bàn bạc với nhau, mặt khác khi C bán ma túy cho T lần thứ hai thì Q có biết, vì vậy hành vi của các bị cáo là đồng phạm và Q phải chịu trách nhiệm hình sự theo điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự.

- Bản thân các bị cáo biết tác hại của ma túy là đặc biệt nghiêm trọng, nên không thể nói hậu quả của hành vi đã được ngăn chặn kịp thời, vì vậy các bị cáo không được hưởng tình tiết giảm nhẹ "phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

- Khung hình phạt của các bị cáo bị truy tố từ 07 năm đến 15 năm, nên các bị cáo không được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

- Sau khi bị bắt quả tang và có lệnh khám xét khẩn cấp của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy Đức, bị cáo Giàng Thị C mới tự nguyện giao nộp số ma túy chưa kịp bán, nên các bị cáo không được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "Tự thú" quy định tại điểm o khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

- Trong giai đoạn điều tra các bị cáo đã thành khẩn khai báo và có thái độ ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình, nên đồng ý với đề nghị của trợ giúp viên pháp lý cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "Thành khẩn khai báo" quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự (tình tiết này đã đề nghị trong lời luận tội, buộc tội đối với các bị cáo).

- Đối với tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "Các bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số, không biết chữ nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế" là không phù hợp, vì trước khi bàn bạc với nhau về việc mua ma túy về bán, các bị cáo đã biết trước tác hại của ma túy là nguy hiểm cũng như hành vi này sẽ bị pháp luật xử lý nghiêm khắc, nên các bị cáo không đủ điều kiện để hưởng tình tiết giảm nhẹ này.

- Đối với tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "Các bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn", nhưng trong hồ sơ vụ án các bị cáo không có đơn trình bày hoàn cảnh gia đình, có xác nhận của chính quyền địa phương, nên không có cơ sở để chấp nhận.

- Từ những phân tích và lập luận như trên, vị đại diện Viện kiểm sát quyết định giữ nguyên quan điểm truy tố và khẳng định các bị cáo không đủ điều kiện để áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình để xử mức án dưới khung hình phạt đã đề nghị.

* Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho các bị cáo cũng như các bị cáo và vị đại diện Viện kiểm sát không tranh luận gì thêm.

Lời nói sau cùng các bị cáo cảm ơn HĐXX, thừa nhận hành vi phạm tội của mình; bị cáo Giàng A Q xin được xử phạt mức án 02 (hai) năm tù, bị cáo Giàng Thị

C xin được xử phạt mức án 05 (năm) năm tù, để các bị cáo sớm có cơ hội tái hòa nhập xã hội và nuôi dạy các con.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho các bị cáo, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy Đức; Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo được tống đạt đầy đủ văn bản tố tụng, quá trình điều tra, truy tố và xét xử không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng vì vậy các hành vi, quyết định tố tụng đều hợp pháp. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy do ý thức coi thường pháp luật, muốn thu lợi bất chính không bằng chính sức lao động chính đáng của mình, nên các bị cáo Giàng A Q và Giàng Thị C đã bàn bạc, thống nhất với nhau về việc mua ma túy để bán lại kiếm lời; bị cáo Giàng Thị C đã mua ma túy là Hêrôin của một người đàn ông (chưa xác định được nhân thân lai lịch" với giá 2.000.000 đồng sau đó chia nhỏ thành nhiều phần để bán lại cho đối tượng nghiện ma túy. Bị cáo C trực tiếp đã bán ma túy cho đối tượng T 02 lần và phần còn lại để bán lại cho các đối tượng nghiện ma túy khác kiếm lời. Bị cáo Q là chồng của bị cáo C không trực tiếp bán ma túy nhưng trước đó cùng bàn bạc, thống nhất việc mua ma túy về bán với bị cáo C để kiếm lời. Tổng trọng lượng Hêrôin mà bị cáo mua bán là 3,215 gam. Các bị cáo có đầy đủ năng lực TNHS, nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, bị pháp luật cấm nhưng các bị cáo vẫn cố tình thực hiện nhằm mục đích kiếm lời. Vì vậy có đủ căn cứ kết luận hành vi của các bị cáo Giàng A Q và Giàng Thị C đã phạm vào tội "Mua bán trái phép chất ma tuý" theo điểm b khoản 2 Điều 194 của BLHS.

"Điều 194 Bộ luật hình sự quy định như sau:

1. Người nào tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma tuý, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm:

…

b. Phạm tội nhiều lần.

…"

Tại phiên toà ngày hôm nay HĐXX nhận thấy: Các bị cáo thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự,

HĐXX sẽ áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự này đối với cácbị cáo khi quyết định hình phạt.

Xét quan điểm bào chữa của trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho các bị cáo là không phù hợp, vì:

- Trước khi mua ma túy về bán các bị cáo đã có sự bàn bạc, thống nhất với nhau, như vậy về mặt ý chí các bị cáo đã thống nhất việc mua ma túy về bán kiếm lời và khi C bán ma túy cho T lần thứ hai thì Q có biết nhưng không có ý kiến gì, vì vậy hành vi của các bị cáo là đồng phạm và Q phải chịu trách nhiệm hình sự theo điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự cùng với C.

- Đối tượng T mua ma túy của C 02 lần, lần đầu T đã sử dụng hết, lần thứ hai chưa kịp sử dụng thì bị bắt quả tang, mặt khác tác hại của ma túy nói chung (nhất là Hêrôin) là rất nguy hiểm và ma túy là nguyên nhân gây ra các loại tội phạm khác, nên không thể nói hậu quả của hành vi đã được ngăn chặn kịp thời, vì vậy các bị cáo không được hưởng tình tiết giảm nhẹ "Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

- Các bị cáo phạm tội với tình tiết định khung hình phạt "Phạm tội nhiều lần" quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự, về nguyên tắc đã "Phạm tội nhiều lần" thì không thể "Phạm tội lần đầu" được, nên các bị cáo không được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

- Tự thú là tự mình nhận tội và khai ra hành vi phạm tội của mình, trong khi chưa ai phát hiện được mình phạm tội. Trong vụ án này sau khi bị bắt quả tang và có lệnh khám xét khẩn cấp của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy Đức, bị cáo Giàng Thị C mới tự nguyện giao nộp số ma túy chưa kịp bán, nếu bị cáo không tự nguyện giao nộp số ma túy này thì Cơ quan Cảnh sát điều tra cũng thu giữ được nên các bị cáo không được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "Tự thú" quy định tại điểm o khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

- Đối với tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "Các bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số, không biết chữ nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế" là không phù hợp, vì trước khi bàn bạc với nhau về việc mua ma túy về bán, các bị cáo đã biết trước tác hại của ma túy là nguy hiểm cũng như hành vi này sẽ bị pháp luật xử lý nghiêm khắc, mặt khác địa bàn xã Đ, huyện T, tỉnh Đăk Nông là điểm nóng về ma túy của huyện T, tỉnh Đăk Nông nên không thể nói các bị cáo nhận thức pháp luật hạn chế được, vì vậy các bị cáo không đủ điều kiện để hưởng tình tiết giảm nhẹ này.

- Có nhiều cách, nhiều việc làm chính đáng để khắc phục "Hoàn cảnh gia đình khó khăn", việc mua ma túy về bán kiếm lời để khắc phục "Hoàn cảnh gia đình khó khăn" là không có cơ sở để chấp nhận.

- Từ những phân tích và lập luận như trên, đối chiếu với các quy định của pháp luật, HĐXX xét thấy các bị cáo không đủ điều kiện để hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm g, h, o khoản 1 khoản 2 Điều 46 và Điều

47 của Bộ luật hình, để xét xử các bị cáo mức án dưới khung hình phạt của điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự.

Ngoài ra ma túy là chất gây hại cho con người, hậu quả việc sử dụng ma túy trái phép gây ra cho người sử dụng và xã hội là rất lớn, làm suy nhược giống nòi, đạo đức, xã hội, hủy hoại sức khỏe con người và là nguyên nhân dẫn đến các loại tội phạm khác. Vì vậy Nhà nước có chính sách quản lý độc quyền về ma túy, nghiêm cấm và trừng trị mọi hành vi vi phạm. Bản thân các bị cáo ý thức được các tác hại của ma tuý nhưng vì lợi nhuận các bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội. Tại nơi cư trú của các bị cáo là vùng đặc biệt khó khăn, là điểm nóng về ma túy, có nhiều người nghiện ma túy và nhiều hệ lụy của ma túy gây ra. HĐXX xét thấy cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt đủ nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật và để răn đe phòng ngừa chung, cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài nhất định để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội sau này. Trong vụ án này bị cáo C là người trực tiếp mua ma túy về bán lại để kiếm lời vì vậy cần dành cho bị cáo C hình phạt nặng hơn bị cáo Q là phù hợp.

Xét về điều kiện kinh tế của các bị cáo khó khăn, hai vợ chồng cùng phạm tội, không có nghề nghiệp ổn định, các còn còn nhỏ, nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 194 – Bộ luật hình sự đối với các bị cáo.

Trong vụ án này có đối tượng bán ma túy cho bị cáo C và đối tượng T mua ma túy của bị cáo C để sử dụng, quá trình điều tra T đã đi khỏi địa phương, người đàn ông bán ma túy cho C chưa xác định được nhân thân lai lich. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy Đức đã tách ra để tiếp tục xác minh làm rõ và xử lý sau theo quy định của pháp luật khi có căn cứ.

Về vật chứng của vụ án: Đối với số tiền 500.000 đồng tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam thu giữ do bị cáo Giàng Thị C phạm tội mà có vì vậy cần tịch thu sung công quỹ nhà nước; Đối với số tiền 100.000 đồng bị cáo C bán ma túy mà có cần truy thu sung công quỹ Nhà nước.

Về án phí: Buộc các bị cáo Giàng A Q; Giàng Thị C phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố các bị cáo Giàng A Q; Giàng Thị C phạm tội "Mua bán trái phép chất ma tuý".

Áp dụng khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 – BLHS. Xử phạt bị cáo Giàng Thị C 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Xử phạt bị cáo Giàng A Q 07 (bảy) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt, tạm giam ngày 24/01/2017

2. Các biện pháp tư pháp:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 41 của Bộ luật hình sự. Điểm a khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu, tiêu hủy 1,8353 gam ma túy (hoàn lại sau giám định).

Tịch thu, sung công quỹ Nhà nước số tiền 500.000 đồng (Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy Đức đã nộp tiền vật chứng vào tài khoản tạm giữ của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Đức ngày 16/2/2017, số CT: 0000728).

Buộc bị cáo Giàng Thị C nộp truy thu số tiền 100.000 đồng do phạm tội mà có.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 99 – BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14. Buộc các bị cáo Giàng A Q; Giàng Thị C mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Tiến Thọ

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đăk Nông;
- Phòng HSNV CA tỉnh Đăk Nông;
- VKSND huyện Tuy Đức;
- CA huyện Tuy Đức ;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ.